

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2018/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Giờ Ngày 8/3 Ban hành
Kính chuyển: 17/01

THÔNG TƯ

**Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và thay thế Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ đang thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các đại học vùng, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo vận dụng Quy định này để xây dựng và ban hành quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, giám đốc các đại học vùng, học viện, hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, viện trưởng các viện nghiên cứu, giám đốc các trung tâm nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng quốc gia Giáo dục và PTNNL;
- Ban Tuyên giáo TW;
- Ủy ban VHGD-TNTN-NĐ của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ KHCN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC, KHCNMT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Phúc

QUY ĐỊNH

**Về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BGDĐT
ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định và quyết định giao dự án; tổ chức triển khai và kiểm tra tình hình thực hiện dự án; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án.

2. Quy định này áp dụng đối với các đại học vùng, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân được tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện dự án theo đặt hàng của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí được quy định.

2. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện dự án theo đặt hàng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. *Dự án sản xuất thử nghiệm* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm đề thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

Điều 3. Mục tiêu và thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là dự án) nhằm mục tiêu sau:

a) Ứng dụng kết quả nghiên cứu, các kỹ thuật tiến bộ để hoàn thiện, đổi mới công nghệ; hoàn thiện, đổi mới dây chuyền sản xuất hoặc sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được các yêu cầu của ngành Giáo dục và hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Góp phần đưa nhanh các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ của các cá nhân, đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thời gian thực hiện dự án không quá 24 tháng tính từ khi được phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định nhưng thời gian tối đa không quá 36 tháng.

Điều 4. Tài chính của dự án

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện dự án bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ);

b) Nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nguồn thu hợp pháp của tổ chức chủ trì dự án;

- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp và nguồn vốn tài trợ của các cá nhân và tổ chức khác.

2. Mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành và phù hợp với các định hướng chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm của ngành trong từng giai đoạn.

3. Công tác quản lý tài chính

a) Đối với dự án có sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ: được thực hiện theo quy định tài chính hiện hành của Nhà nước;

b) Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ: kinh phí hoạt động của các hội đồng: xác định, xét chọn, thẩm định dự án, đánh giá nghiệm thu cấp bộ, kiểm tra thực hiện dự án được chi từ kinh phí của tổ chức chủ trì dự án và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức.

Điều 5. Phương thức giao dự án

1. Dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét tài trợ từ quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phương thức khác do tổ chức, cá nhân lựa chọn.

Điều 6. Dự án được giao trực tiếp

1. Dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao trực tiếp là dự án thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để giao thực hiện dự án được giao trực tiếp.

Chương II

XÁC ĐỊNH, TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP, THẨM ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ ÁN

Điều 7. Xác định dự án được giao theo phương thức tuyển chọn

1. Căn cứ kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước, bộ, ngành và địa phương; căn cứ các kết quả nghiên cứu đã đạt được, nhu cầu của xã hội và căn cứ vào thực tiễn, nhu cầu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của ngành Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo có công văn hướng dẫn các đơn vị, cá nhân lập phiếu đề xuất dự án (Mẫu I-1 Phụ lục).

2. Đơn vị lựa chọn các dự án do cá nhân đề xuất và đưa vào danh mục đề xuất dự án theo biểu mẫu (Mẫu I-2 Phụ lục), kèm theo Phiếu đề xuất dự án gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp danh mục đề xuất dự án trên cơ sở đề xuất của các đơn vị; danh mục dự án do lãnh đạo Bộ trực tiếp đề xuất (nếu có) theo từng nhóm lĩnh vực nghiên cứu và tổ chức xác định dự án.

Điều 8. Xác định dự án được giao theo phương thức giao trực tiếp

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng tư vấn xác định dự án giao trực tiếp trên cơ sở đề xuất dự án đáp ứng tiêu chí nêu tại Điều 9 Quy định này.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo dự án được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân.

3. Tổ chức, cá nhân được giao dự án chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Quy định này và bảo vệ trước Hội đồng tư vấn giao trực tiếp dự án theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

Điều 9. Tiêu chí xác định dự án

1. Đáp ứng điều kiện đề xuất dự án:

a) Dự án có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các cấp đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng;

b) Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án);

c) Có cam kết và đảm bảo huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện dự án.

2. Sự cần thiết phải thực hiện dự án (tính cấp thiết):

a) Sự phù hợp các hướng công nghệ ưu tiên và những hướng công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng;

b) Tạo ra công nghệ (quy trình, thiết bị), các sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao và chuyển giao được cho sản xuất;

c) Có hiệu quả kinh tế - xã hội (tạo thêm việc làm, tiết kiệm và tận dụng nguồn tài nguyên và nhân lực, bảo vệ môi trường).

3. Tính khả thi:

a) Sự phù hợp về tên, mục tiêu, sản phẩm, thời gian thực hiện, kinh phí có thể đáp ứng được, năng lực khoa học và công nghệ trong nước có thể giải quyết được;

b) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm dự án.

Điều 10. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án

1. Đối với tổ chức chủ trì thực hiện dự án:

a) Có đủ tiềm lực khoa học và công nghệ để chủ trì thực hiện dự án;

b) Không có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ chậm đánh giá nghiệm thu vào thời điểm nộp hồ sơ (đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ).

2. Đối với cá nhân chủ trì thực hiện dự án (sau đây gọi là chủ nhiệm dự án):

a) Có trình độ từ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học của dự án;

b) Là người đề xuất phương án triển khai dự án và chủ trì xây dựng thuyết minh dự án;

c) Có khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và đảm bảo thời gian để chủ trì triển khai dự án;

d) Đã hoàn thành quyết toán kinh phí, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đến thời hạn kết thúc (đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ).

Điều 11. Hội đồng tư vấn xác định dự án

1. Hội đồng tư vấn xác định dự án (sau đây gọi là hội đồng xác định) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập theo lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề xuất dự án, có nhiệm vụ tư vấn giúp Bộ trưởng xác định dự án.

2. Hội đồng xác định có 07, 09 hoặc 11 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên khác, trong đó:

a) Có 2/3 số thành viên là nhà khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành lĩnh vực tư vấn;

b) Các thành viên còn lại thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan;

c) Mỗi đề xuất dự án có 02 ủy viên phản biện;

d) Những người tham gia thực hiện dự án không tham gia Hội đồng.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt và có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện.

4. Các thành viên Hội đồng nhận xét đề xuất dự án theo mẫu phiếu nhận xét (Mẫu I-3 Phụ lục) và đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá đề xuất dự án (Mẫu I-4 Phụ lục).

Điều 12. Kết quả đánh giá của Hội đồng xác định

1. Đề xuất dự án được Hội đồng đề nghị “thực hiện” phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đồng ý đánh giá “đạt” và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng.

a) Đối với đề xuất dự án được đề nghị “thực hiện”, Hội đồng xác định thống nhất về: tên, định hướng mục tiêu, sản phẩm và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt, dự kiến kinh phí của dự án;

b) Đối với đề xuất dự án được đề nghị “không thực hiện”, Hội đồng thảo luận, thống nhất về lý do không đề nghị thực hiện.

2. Kết quả đánh giá đề xuất dự án được ghi vào biên bản họp Hội đồng xác định (Mẫu I-5 Phụ lục). Hội đồng thông qua biên bản họp Hội đồng xác định kèm theo danh mục dự án đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện dự án (Mẫu I-6 Phụ lục).

Điều 13. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì dự án

1. Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng xác định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp danh mục dự án đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp tổ

chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án.

3. Trước thời điểm tuyển chọn ít nhất 30 ngày, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo danh mục dự án đưa ra tuyển chọn trên trang thông tin điện tử của Bộ để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện dự án.

4. Muộn nhất là 05 ngày sau khi họp hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả tuyển chọn dự án trên trang thông tin điện tử của Bộ và kết quả giao trực tiếp bằng văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp dự án

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp dự án (sau đây gọi là hồ sơ dự án) gồm các tài liệu theo biểu mẫu quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể:

- a) Thuyết minh dự án (Biểu B1-2c-TMDA);
- b) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký tham gia thực hiện dự án (Biểu B1-4-LLCN);
- c) Năng lực thực hiện dự án của tổ chức đăng ký chủ trì dự án (Biểu B1-3-LLTC);
- d) Giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án (Biểu B1-5-PHNC) và văn bản pháp lý chứng minh năng lực về nhân lực, kinh nghiệm, trang thiết bị và khả năng tài chính của tổ chức tham gia phối hợp thực hiện dự án.

2. Hồ sơ dự án gồm 01 bộ hồ sơ gốc được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF). Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ dự án theo thông báo được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ (trường hợp tuyển chọn) và bằng văn bản (trường hợp giao trực tiếp).

Điều 15. Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự án

1. Hồ sơ dự án được đánh giá bằng cách chấm điểm theo thang điểm 100 với các nhóm tiêu chí sau:

- a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);
- b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);
- c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12);

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16);

đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24);

e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

2. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì hoặc tổ chức cấp kinh phí có thể vận dụng, điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù, yêu cầu của từng dự án.

Điều 16. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp dự án

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp dự án (sau đây gọi là Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, có nhiệm vụ tư vấn giúp Bộ trưởng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án. Mỗi Hội đồng chỉ thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp 01 dự án.

2. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp có 07 hoặc 09 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác, trong đó:

a) Có 2/3 số thành viên là các chuyên gia có uy tín, có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu lĩnh vực chuyên ngành của dự án;

b) Các thành viên còn lại là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách và tổ chức, cá nhân cấp kinh phí thực hiện dự án hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả của dự án;

c) Có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng xác định;

d) Những người tham gia thực hiện dự án không tham gia Hội đồng.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt và có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện.

4. Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá, chấm điểm độc lập hồ sơ dự án theo các tiêu chí và thang điểm đánh giá được nêu tại Điều 15 của Quy định này và tại biểu mẫu quy định tại Điều 9, Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 (Biểu B2-2c-NXDA và Biểu B2-3c-DGDA).

5. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm dự án tham dự phiên họp và trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương thuyết minh dự án, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có).

6. Hội đồng tiến hành họp kín đánh giá hồ sơ dự án: thảo luận và cho điểm độc lập về hồ sơ dự án (không có sự tham gia của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm; thành viên thực hiện dự án và đại diện tổ chức đăng ký chủ trì dự án).

7. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo mời chuyên gia ở ngoài Hội đồng am hiểu sâu lĩnh vực của dự án để nhận xét và đánh giá thẩm định lại hồ sơ.

8. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án hoặc tổ chức cấp kinh phí thành lập và tổ chức họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

Điều 17. Kết quả đánh giá của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Kết quả đánh giá hồ sơ dự án là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp Hội đồng.

2. Hồ sơ dự án được Hội đồng đề nghị thực hiện nếu có kết quả đánh giá cao nhất trong số các hồ sơ tham gia tuyển chọn và đạt tối thiểu 70/100 điểm, trong đó không có thành viên nào của Hội đồng có mặt đánh giá 0 điểm đối với các tiêu chí nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Quy định này.

3. Kết quả đánh giá hồ sơ dự án, kết luận và kiến nghị về những điểm cần bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ dự án được ghi vào biên bản họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp (Mẫu I-7 Phụ lục).

Điều 18. Thẩm định nội dung và kinh phí dự án

1. Căn cứ kết quả họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện dự án (sau đây gọi là Tổ thẩm định).

2. Tổ thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, trong đó có 01 tổ trưởng và có ít nhất 02 thành viên đã tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Thành viên Tổ thẩm định là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; kế hoạch - tài chính; tổ chức, cá nhân cấp kinh phí thực hiện dự án hoặc dự kiến thụ hưởng kết quả của dự án.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thời hạn và địa chỉ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ và/hoặc bằng văn bản gửi tới các đơn vị.

4. Hồ sơ thẩm định dự án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 01 bộ hồ sơ gốc được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF). Hồ sơ thẩm định dự án gồm các tài liệu sau:

a) Hồ sơ dự án được nêu tại khoản 1 Điều 14 Quy định này đã được bổ sung, chỉnh sửa theo kết luận, kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp kèm theo biên bản họp Hội đồng;

b) Văn bản giải trình có xác nhận của tổ chức đăng ký chủ trì và chủ tịch Hội đồng (hoặc 01 ủy viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp);

c) Báo giá nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị đã sử dụng (trong thời gian 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ thẩm định) để xây dựng dự toán kinh phí của dự án.

5. Kết quả thẩm định dự án, kết luận và kiến nghị về những điểm cần bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện hồ sơ dự án được ghi vào biên bản họp Tổ thẩm định dự án (Mẫu I-8 Phụ lục).

6. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án hoặc tổ chức cấp kinh phí thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định.

Điều 19. Quyết định giao dự án

1. Căn cứ kết quả thẩm định dự án, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án và thông báo đến tổ chức chủ trì thực hiện dự án, đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của Bộ.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Tổ thẩm định và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo thời hạn và địa chỉ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ. Hồ sơ dự án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 05 bản chính.

Chương III

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

VÀ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 20. Hợp đồng thực hiện dự án

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án ký hợp đồng thực hiện dự án (Mẫu I-9 Phụ lục) với chủ nhiệm dự án. Tổ chức chủ trì gửi 01 bản hợp đồng (bản gốc) về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi và quản lý.

2. Trong trường hợp dự án có điều chỉnh, văn bản điều chỉnh dự án là một phần của hợp đồng thực hiện dự án.

Điều 21. Báo cáo tình hình thực hiện dự án

1. Chủ nhiệm dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ hàng năm cho tổ chức chủ trì.

2. Tổ chức chủ trì báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình thực hiện dự án trước ngày 31 tháng 12 hàng năm (Mẫu II-1 Phụ lục).

3. Trường hợp đột xuất, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 22. Kiểm tra tình hình thực hiện dự án

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tình hình thực hiện dự án.
2. Thủ trưởng tổ chức chủ trì kiểm tra tình hình thực hiện dự án định kỳ hàng năm.
3. Nội dung kiểm tra gồm tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và việc sử dụng kinh phí của dự án so với thuyết minh dự án được phê duyệt.
4. Kết quả kiểm tra là căn cứ để xem xét việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án, điều chỉnh dự án và cấp kinh phí.
5. Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện dự án (Mẫu II-2 Phụ lục) lưu ở tổ chức chủ trì, Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức, cá nhân cấp kinh phí cho dự án.
6. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án hoặc tổ chức cấp kinh phí tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm tình hình thực hiện dự án.

Điều 23. Điều chỉnh, bổ sung dự án

1. Khi cần điều chỉnh, tổ chức chủ trì dự án gửi văn bản đề xuất kèm theo bản điều chỉnh dự án (Mẫu II-3 Phụ lục) về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trên cơ sở xem xét hồ sơ dự án hoặc kiểm tra tình hình thực hiện dự án.
2. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án phải được thực hiện trước thời hạn kết thúc hợp đồng tối thiểu 01 tháng, chỉ được thực hiện 01 lần và không quá 12 tháng.
3. Thay đổi chủ nhiệm dự án được thực hiện trong các trường hợp sau: chủ nhiệm dự án đi học tập hoặc công tác dài hạn trên 6 tháng; bị ốm đau, bệnh tật (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền) không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu; vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính; không hoàn thành tiến độ nội dung dự án theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng hoặc vi phạm pháp luật phải đình chỉ công tác. Chủ nhiệm dự án mới phải đáp ứng các yêu cầu được nêu tại khoản 2 Điều 10 của Quy định này.
4. Trường hợp điều chỉnh sản phẩm của dự án cần có ý kiến của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp dự án.
5. Việc điều chỉnh dự án không được làm thay đổi mục tiêu của dự án.
6. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự

án hoặc tổ chức cấp kinh phí phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có) và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trong báo cáo định kỳ hàng năm.

Điều 24. Thanh lý dự án, chấm dứt hợp đồng thực hiện dự án

1. Việc thanh lý dự án được tiến hành nếu có một trong các trường hợp sau:

- a) Có văn bản đề nghị thanh lý của tổ chức chủ trì dự án;
- b) Có kết luận kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị thanh lý;
- c) Có kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở mức “không đạt”;
- d) Thời gian thực hiện đã quá 6 tháng mà không có lý do.

2. Hội đồng thanh lý dự án do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, gồm 07 hoặc 09 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là đại diện của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, kế hoạch - tài chính, đại diện tổ chức chủ trì dự án, cá nhân, đơn vị cấp kinh phí thực hiện dự án, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án (Mẫu II-4 và II-5 Phụ lục).

3. Căn cứ kết quả họp Hội đồng thanh lý dự án, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án ký Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện dự án với chủ nhiệm dự án (Mẫu III-8 Phụ lục).

4. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án hoặc tổ chức cấp kinh phí thành lập và tổ chức họp Hội đồng thanh lý dự án.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 25. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án

1. Dự án khi kết thúc phải được đánh giá, nghiệm thu ở 02 cấp: cấp cơ sở và cấp bộ.

a) Đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây gọi là Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở) do tổ chức chủ trì dự án thực hiện;

b) Đánh giá, nghiệm thu cấp bộ được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu cấp bộ (sau đây gọi là Hội đồng nghiệm thu cấp bộ).

Đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án ở cấp bộ chỉ thực hiện đối với các dự án được Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xếp loại “đạt”.

2. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án:

a) Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết và các tiêu chí đánh giá được nêu tại khoản 1 Điều 28 (đối với cấp cơ sở) và Điều 33 (đối với cấp bộ) của Quy định này;

b) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.

Điều 26. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả của dự án (Mẫu II-6 Phụ lục) và tóm tắt kết quả dự án (Mẫu II-7 Phụ lục);

b) Sản phẩm khoa học công nghệ của dự án với số lượng và chất lượng theo hợp đồng;

c) Hợp đồng và thuyết minh dự án;

d) Báo cáo tình hình quyết toán kinh phí hỗ trợ dự án (Mẫu II-8 Phụ lục).

2. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

a) Chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn của dự án ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có), chủ nhiệm dự án có trách nhiệm nộp cho tổ chức chủ trì 01 bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở (bản gốc) và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF).

b) Việc tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở phải hoàn thành trước thời điểm kết thúc thực hiện dự án được ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có).

Điều 27. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở

1. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có nhiệm vụ tư vấn giúp thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án đánh giá kết quả dự án so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

2. Tổ chức chủ trì thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở.

3. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có 07 hoặc 09 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Số người của tổ chức chủ trì dự án tham gia Hội đồng không quá 1/3 số thành viên Hội đồng. Chủ nhiệm dự án và các cá nhân trực tiếp thực hiện dự án không tham gia Hội đồng.

4. Chủ nhiệm dự án tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện dự án tại phiên họp của Hội đồng.

5. Hội đồng tiến hành họp kín (không có sự tham gia của chủ nhiệm và thành viên thực hiện dự án): thảo luận, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các tiêu chí đánh giá quy định tại Mẫu III-1 Phụ lục.

6. Kết quả đánh giá dự án, kết luận và kiến nghị được ghi vào trong biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (Mẫu III-2 Phụ lục), trong đó, nêu cụ thể những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện dự án.

Điều 28. Tiêu chí đánh giá cấp cơ sở và xếp loại dự án

1. Tiêu chí đánh giá cấp cơ sở về kết quả dự án:

- a) Tổ chức triển khai dự án;
- b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại Thuyết minh dự án và hợp đồng;
- c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính của dự án so với hợp đồng (thông qua các tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất...);
- d) Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và các tài liệu liên quan kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...).

2. Xếp loại dự án:

Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xếp loại dự án vào một trong hai mức: “đạt” hoặc “không đạt”.

- a) Mức “đạt” nếu dự án được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá đã hoàn thành cơ bản các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;
- b) Mức “không đạt” nếu dự án không được 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá đã hoàn thành cơ bản các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “không đạt”, cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp cơ sở

- 1. Đối với dự án được Hội đồng đánh giá ở mức “đạt”, trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.
- 2. Tổ chức chủ trì phối hợp với chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ để chuẩn bị cho đánh giá, nghiệm thu cấp bộ.
- 3. Đối với dự án được Hội đồng đánh giá ở mức “không đạt”, tổ chức chủ trì báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để xử lý theo quy định tại Điều 24 Quy định này.

Điều 30. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp bộ

- 1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp bộ bao gồm:

a) Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì dự án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mẫu III-4 Phụ lục);

b) Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở nêu tại khoản 1 Điều 26 của Quy định này đã được bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở;

c) Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở;

d) Bản giải trình hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở có xác nhận của thủ trưởng tổ chức chủ trì và chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (Mẫu III-3 Phụ lục).

2. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp bộ

a) Trong thời hạn 45 ngày kể từ khi có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở, tổ chức chủ trì dự án có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp bộ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định hoặc yêu cầu chủ nhiệm, tổ chức chủ trì dự án bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp cần thiết). Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) tối đa là 10 ngày;

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thành việc tổ chức đánh giá cấp bộ.

Điều 31. Hội đồng nghiệm thu cấp bộ

1. Hội đồng nghiệm thu cấp bộ có nhiệm vụ tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá kết quả dự án theo quy định. Trường hợp cần thiết, chủ tịch Hội đồng sẽ kiến nghị thành lập Tổ chuyên gia để kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của dự án theo yêu cầu của Hội đồng.

2. Hội đồng nghiệm thu cấp bộ và Tổ chuyên gia (nếu có) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập.

a) Thành viên Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có thể tham gia Hội đồng nghiệm thu cấp bộ nhưng không quá 02 thành viên, trong đó chủ tịch, ủy viên phản biện của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở không được làm chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng nghiệm thu cấp bộ;

b) Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia thực hiện dự án không tham gia Hội đồng.

3. Hội đồng nghiệm thu cấp bộ có 07 hoặc 09 thành viên bao gồm: chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác, trong đó:

a) Có 2/3 số thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của dự án;

b) Thành viên còn lại là các chuyên gia về kinh tế, quản lý đại diện cho các tổ chức sản xuất - kinh doanh có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của dự án, cơ quan quản lý và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực của dự án;

c) Tối thiểu phải có 2/3 số thành viên Hội đồng là cán bộ ngoài cơ quan chủ trì dự án;

d) Các chuyên gia, đặc biệt là các ủy viên phản biện của Hội đồng xác định hoặc Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp dự án được ưu tiên mời tham gia Hội đồng.

Điều 32. Tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu cấp bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo giao tổ chức chủ trì dự án hoặc tổ chức cấp kinh phí tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu cấp bộ.

2. Hội đồng nghiệm thu cấp bộ phải được tổ chức họp trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày ký quyết định thành lập Hội đồng.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và 02 ủy viên phản biện.

4. Chủ nhiệm dự án tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện dự án tại phiên họp của Hội đồng.

5. Hội đồng tiến hành họp kín (không có sự tham gia của chủ nhiệm và thành viên thực hiện dự án): thảo luận, nhận xét, đánh giá và cho điểm độc lập về kết quả thực hiện dự án (Mẫu III-5 và III-6 Phụ lục).

6. Kết quả đánh giá dự án, kết luận và kiến nghị được ghi vào biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp bộ (Mẫu III-7 Phụ lục).

Điều 33. Tiêu chí đánh giá cấp bộ về kết quả dự án

1. Kết quả dự án được đánh giá bằng cách chấm điểm theo thang điểm 100 với các nhóm tiêu chí sau (Mẫu III-6 Phụ lục):

a) Tổ chức triển khai dự án (điểm tối đa 15);

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký tại Thuyết minh dự án và hợp đồng (điểm tối đa 25);

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính của dự án so với hợp đồng (thông qua các tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất) (điểm tối đa 30);

d) Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và các tài liệu liên quan kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) (điểm tối đa 10);

đ) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng (điểm tối đa 5);

e) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học và công nghệ (điểm tối đa 5);

g) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (điểm tối đa 10).

2. Đối với dự án sử dụng nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì hoặc tổ chức cấp kinh phí có thể vận dụng, điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù, yêu cầu của từng dự án.

Điều 34. Nguyên tắc đánh giá và xếp loại kết quả dự án

1. Nguyên tắc đánh giá, chấm điểm

a) Việc đánh giá, chấm điểm kết quả dự án được căn cứ theo các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều 33 Quy định này;

b) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa quy định cho từng tiêu chí đánh giá; trường hợp tiêu chí về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng nêu tại điểm đ, khoản 1 Điều 33 Quy định này không có điểm thì kết quả dự án không được xếp loại “xuất sắc”;

c) Điểm đánh giá của dự án là điểm trung bình của tổng số điểm ghi trong các phiếu đánh giá hợp lệ của các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp Hội đồng.

2. Xếp loại kết quả dự án

Căn cứ vào kết quả chấm điểm dự án, Hội đồng nghiệm thu cấp bộ xếp loại dự án theo các mức sau:

a) Mức “xuất sắc”: Dự án có điểm đánh giá đạt từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 33 Quy định này đạt 70 điểm;

b) Mức “đạt”: Dự án có điểm đánh giá đạt từ 70 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 33 Quy định này đạt từ 60 điểm trở lên;

c) Mức “không đạt”: Dự án có điểm đánh giá đạt dưới 70 điểm hoặc tổng số điểm các tiêu chí nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 33 Quy định này đạt dưới 60 điểm.

Điều 35. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp bộ

1. Dự án được đánh giá xếp loại ở mức “đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá cấp bộ, chủ nhiệm dự án hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Chủ nhiệm dự án và tổ chức chủ trì gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo 01 bộ hồ sơ xác nhận hoàn thành dự án (bản gốc) và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF).

b) Hồ sơ xác nhận hoàn thành dự án bao gồm:

- Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp bộ;
- Bản giải trình hoàn thiện hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp bộ có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cấp bộ và tổ chức chủ trì (Mẫu III-3 Phụ lục);
- Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt đã hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng đánh giá cấp bộ.

c) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả dự án theo quy định hiện hành và nộp bản xác nhận đăng ký lưu giữ kết quả dự án cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường hợp kết quả dự án xếp loại ở mức “không đạt”, Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá, xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Xử lý tài sản và thanh lý hợp đồng thực hiện dự án

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thủ trưởng tổ chức chủ trì dự án ký Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện dự án với chủ nhiệm dự án (Mẫu III-8 Phụ lục).

2. Tổ chức chủ trì gửi 01 bản Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện dự án về Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi và quản lý.

3. Tài sản của dự án được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc